

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2024/DS-ST
Ngày: 27-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Thạch Phới;
- Bà Trần Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quốc Hi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2024/TLST-DS ngày 20/5/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXXST-DS ngày 24/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐST-DS ngày 09/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đinh Thị Kim T**, sinh năm: 1971 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: **Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.**

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm: 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: **Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà **Đinh Thị Kim T** là nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/2/2014 (âm lịch) bà có làm đầu thảo hụi loại 5.000.000 đồng, loại hụi bốn tháng khui 01 lần, gồm 16 phần. Trong đây hụi trên, bà **Nguyễn Thị T1** tham gia 02 phần trong danh sách hụi ghi tên là “Phát Tài”, bà có giao danh sách hụi cho tất cả hụi viên theo dõi.

- Phần 1: Lần khui đầu kê 2.350.000 đồng hốt được số tiền 38.250.000 đồng, sau đó đóng hụi chết được 10 lần, còn 05 lần khui hụi chết lần thứ 12,13,14,15,16 không đóng, hụi này đã mãn ngày 20/02/2019.

- Phần 2: Đóng được 5 lần hội sống, đến lần thứ 6 kêu 2.200.000 đồng hốt được số tiền 51.500.000, sau đó đóng hội chết được 5 lần, còn 5 lần khai hội chết lần thứ 12,13,14,15,16 không đóng, hội này đã mãn ngày 20/2/2019.

Nay bà yêu cầu bà **T1** trả lại cho bà số tiền nợ hội tổng cộng là 50.000.000 đồng (02 phần) của các lần khai thứ 12, 13, 14, 15, 16 trong đây hội 5.000.000 đồng, bốn tháng khai một lần, gồm 16 phần mở ngày 20/02/2014 âm lịch. Trước đây theo đơn khởi kiện ban đầu bà có yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên theo quy định pháp luật, nay bà xin rút lại bà không yêu cầu tính lãi nữa.

Do bà bận công việc nên bà yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Bà Nguyễn Thị T1 là bị đơn vắng mặt nhưng có lời khai như sau:

Bà thông nhất như lời trình bày của bà **Đinh Thị Kim T**, bà thừa nhận hiện tại bà còn nợ bà **T** số tiền hội chết mà bà **T** đã đóng choàng thay atổng cộng là 50.000.000 đồng, của đây hội mở ngày 20/02/2014 (âm lịch), bà tham gia 02 phần, loại hội 5.000.000 đồng, 04 tháng khai một lần, gồm 16 phần, do bà **T** làm đầu thảo. Nay bà **T** yêu cầu bà trả cho bà **T** số tiền nợ trên, tổng cộng là 50.000.000 đồng thì bà đồng ý trả cho bà **T**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 357, 468, 471 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, bêu, phường; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xét xử theo hướng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Đinh Thị Kim T**. Buộc bà **Nguyễn Thị T1** phải có nghĩa vụ trả cho bà **Đinh Thị Kim T** số tiền nợ hội chết là 50.000.000 đồng, hội mở ngày 20/02/2014 (âm lịch), loại hội 5.000.000 đồng, 04 tháng khai một lần, gồm 16 phần do bà **T** làm đầu thảo. Do bà **T** đã không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ hội trên nên không xem xét.

Về án phí: Buộc bà **Nguyễn Thị T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà **Đinh Thị Kim T** khởi kiện yêu cầu bà **Nguyễn Thị T1** phải trả cho bà số tiền nợ hui chết mà bà đã đóng choàng thay. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng góp hui. Bị đơn cư trú tại **ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh**, Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà **Nguyễn Thị T1** họp lệ đến lần thứ hai nhưng bà **Nguyễn Thị T1** vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng, bà **Đinh Thị Kim T** thì có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà **T1** và bà **T**.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình tố tụng bà **Đinh Thị Kim T** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà **Nguyễn Thị T1** phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ hui chết mà bà đã đóng choàng thay là 50.000.000 đồng, của 02 phần hui mà bà **T1** đã tham gia, đây hui mở ngày 20/02/2014 (âm lịch), loại hui 5.000.000 đồng/4 tháng, gồm 16 phần, do bà **Đinh Thị Kim T** làm đầu thảo. Bị đơn bà **Nguyễn Thị T1** cũng thừa nhận bà có tham gia đây hui trên và còn nợ lại bà **T** số tiền hui là 50.000.000 đồng. Nay bà đồng ý trả cho bà **T** số tiền nợ hui trên, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định bà **T1** có tham gia góp hui cùng bà **T** ở đây hui mở ngày 20/02/2014 (âm lịch), loại hui 5.000.000 đồng/4 tháng, gồm 16 phần và còn nợ tiền hui chết ở lần thứ 12, 13, 14, 15, 16 của hai phần hui là 50.000.000 đồng. Vì vậy buộc bà **T1** phải có trách nhiệm trả lại số tiền hui chết của lần thứ 12, 13, 14, 15, 16 của hai phần hui không đóng mà bà **T** đã đóng thay là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện (02 phần hui) của bà **Đinh Thị Kim T**.

Về lãi suất: Do bà **T** đã không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ hui trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà **Nguyễn Thị T1** là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí, tuy nhiên Tòa án đã có giải thích cho bà **T1** nhưng bà **T1** vẫn không làm đơn xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm nên buộc bà **Nguyễn Thị T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, 468, 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, bưu, phường;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Đinh Thị Kim T.**

Buộc bà **Nguyễn Thị T1** phải có nghĩa vụ trả cho bà **Đinh Thị Kim T** số tiền là 50.000.000 đồng, của 02 phần hội mà bà **T1** đã tham gia ở đây hội mở ngày 20/02/2014 (âm lịch), loại hội 5.000.000 đồng/4 tháng, gồm 16 phần do bà **T** làm đầu thảo.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bà **Nguyễn Thị T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.500.000 đồng.

Bà **Đinh Thị Kim T** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà **T** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000932 ngày 17/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CC.THADS huyện Cầu Kè;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Trúc Linh